

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Đức	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 12/04/2014
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 12/04/2014
Ông Trần Quốc Hưng	Ủy viên
Ông Đoàn Quyết Thắng	Ủy viên
Ông Trần Văn Điệp	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 12/04/2014
Bà Hứa Thị Anh Đào	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 12/04/2014

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Quốc Hưng	Giám đốc
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Giám đốc (Kiêm Kế toán trưởng)
Bà Đỗ Hồng Nhung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/01/2015)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Trần Quốc Hưng**  
**Giám đốc**  
Nam Định, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Số: /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19/03/2015, từ trang 04 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ việc Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

---

**Nguyễn Đức Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

---

**Chữ Mạnh Hoan**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

***Thay mặt và đại diện cho***  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>9.236.238.601</b>	<b>10.992.388.980</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>288.682.795</b>	<b>3.025.729.105</b>
1. Tiền	111		288.682.795	3.025.729.105
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.579.714.389</b>	<b>6.319.671.733</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	7.489.548.166	6.224.477.273
2. Trả trước cho người bán	132		87.686.183	95.194.460
3. Các khoản phải thu khác	135		2.480.040	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>1.344.865.417</b>	<b>1.593.814.440</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.377.327.417	1.626.013.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.462.000)	(32.199.000)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.976.000</b>	<b>53.173.702</b>
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		22.976.000	53.173.702
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220)	<b>200</b>		<b>4.323.352.491</b>	<b>4.499.390.159</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.323.352.491</b>	<b>4.499.390.159</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.323.352.491	4.499.390.159
- Nguyên giá	222		6.215.264.087	6.249.788.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.891.911.596)	(1.750.397.928)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>13.559.591.092</b>	<b>15.491.779.139</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>3.149.315.374</b>	<b>4.611.177.391</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.149.315.374</b>	<b>4.611.177.391</b>
1. Phải trả người bán	312	9	3.006.883.256	4.455.189.941
2. Người mua trả tiền trước	313		35.867.950	22.030.657
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	93.906.310	121.430.697
4. Phải trả người lao động	315		1.335.520	847.383
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.387.868	7.778.748
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.934.470	3.899.965
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>10.410.275.718</b>	<b>10.880.601.748</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	11	<b>10.410.275.718</b>	<b>10.880.601.748</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		414.720.000	414.720.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(437.449.533)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		289.768.370	239.768.370
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.203.367	119.778.873
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		141.033.514	106.334.505
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>13.559.591.092</b>	<b>15.491.779.139</b>

Hứa Thị Anh Đào  
Người lập biểu  
Nam Định, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Hứa Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hưng  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>33.890.412.816</b>	<b>30.968.135.972</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		51.357.593	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>12</b>	<b>33.839.055.223</b>	<b>30.968.135.972</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	13	31.442.768.513	28.348.761.901
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.396.286.710</b>	<b>2.619.374.071</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		166.735.396	172.599.477
7. Chi phí tài chính	22		-	61.333.333
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	61.333.333
8. Chi phí bán hàng	24		1.468.094.771	1.500.763.480
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.046.675.850	987.755.073
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>48.251.485</b>	<b>242.121.662</b>
11. Thu nhập khác	31		160.436.661	52.372.225
12. Chi phí khác	32		-	2.927
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>160.436.661</b>	<b>52.369.298</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>208.688.146</b>	<b>294.490.960</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	67.654.632	112.294.188
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>141.033.514</b>	<b>182.196.772</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	145	182

**Hứa Thị Anh Đào**  
Người lập biểu  
Nam Định, ngày 19 tháng 03 năm 2015

**Hứa Thị Anh Đào**  
Kế toán trưởng

**Trần Quốc Hưng**  
Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	33.354.465.226	32.205.848.626
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(34.341.495.045)	(28.575.355.846)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(922.614.819)	(842.835.767)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(61.333.333)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(132.294.188)	(39.211.054)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	165.244.891	153.173.644
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(426.945.642)	(532.840.885)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.303.639.577)</b>	<b>2.307.445.385</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.042.800	5.296.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.042.800</b>	<b>5.296.000</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(437.449.533)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.737.046.310)</b>	<b>2.312.741.385</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.025.729.105</b>	<b>712.987.720</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>288.682.795</b>	<b>3.025.729.105</b>

Hứa Thị Anh Đào  
Người lập biểu  
Nam Định, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Hứa Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hưng  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách - Thiết bị trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Nam Định cấp ngày 05/01/2005; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 02/07/2014 với mã số doanh nghiệp là 0600004422. Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng; Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã DST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 23 (tại ngày 01/01/2014 là 23).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

*Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:*

- Kinh doanh sách giáo khoa và các loại thiết bị khác, sách khác. Sản xuất, kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm.
- Liên doanh, liên kết, phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục.

*Hoạt động chính của Công ty là:*

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sách chậm luân chuyển, Ban Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng dự phòng giảm giá sách dựa trên kinh nghiệm trong những năm qua. Năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập 65%, 70% trên giá bìa một số hàng sách. Theo đó, giá trị của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển đã được trích lập lũy kế đến 31/12/2014 là 32.462.000 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 32.199.000 đồng). Theo đánh giá của Ban Giám đốc, ngoài ra không còn hàng tồn kho nào cần trích lập dự phòng, tại 31/12/2014, hàng tồn kho đã được phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính</b> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải	08 - 09
Thiết bị quản lý	03 - 05

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông; Phân phối lợi nhuận của Công ty thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Tiền mặt	223.264.389	383.031.912
Tiền gửi ngân hàng	65.418.406	2.642.697.193
<b>Cộng</b>	<b>288.682.795</b>	<b>3.025.729.105</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Phòng Giáo dục Giao Thủy (Phụ trách Tiểu học)	146.978.980	212.468.176
Công ty TNHH Văn hóa Ngọc Bình	116.459.038	133.445.797
Phòng Giáo dục Nam Trực (Phụ trách Tiểu học)	130.135.380	170.409.901
Ông Trần Tất Mạnh	45.433.048	100.015.102
Trường THPT Nguyễn Bình	81.148.324	101.226.359
Phòng Giáo dục Trực Ninh (Phụ trách Tiểu học)	191.236.716	103.661.001
Đối tượng khác	6.778.156.680	5.403.250.937
<b>Cộng</b>	<b><u>7.489.548.166</u></b>	<b><u>6.224.477.273</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Hàng hoá	1.377.327.417	1.626.013.440
<b>Cộng</b>	<b><u>1.377.327.417</u></b>	<b><u>1.626.013.440</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.462.000)	(32.199.000)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<b><u>1.344.865.417</u></b>	<b><u>1.593.814.440</u></b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	<b>4.974.932.590</b>	<b>687.247.857</b>	<b>587.607.640</b>	<b>6.249.788.087</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(34.524.000)	(34.524.000)
Tại ngày 31/12/2014	<b><u>4.974.932.590</u></b>	<b><u>687.247.857</u></b>	<b><u>553.083.640</u></b>	<b><u>6.215.264.087</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	<b>671.164.538</b>	<b>509.625.750</b>	<b>569.607.640</b>	<b>1.750.397.928</b>
Khấu hao trong năm	106.170.698	60.866.970	9.000.000	176.037.668
Giảm khác	-	-	(34.524.000)	(34.524.000)
Tại ngày 31/12/2014	<b><u>777.335.236</u></b>	<b><u>570.492.720</u></b>	<b><u>544.083.640</u></b>	<b><u>1.891.911.596</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2014	<b><u>4.303.768.052</u></b>	<b><u>177.622.107</u></b>	<b><u>18.000.000</u></b>	<b><u>4.499.390.159</u></b>
Tại ngày 31/12/2014	<b><u>4.197.597.354</u></b>	<b><u>116.755.137</u></b>	<b><u>9.000.000</u></b>	<b><u>4.323.352.491</u></b>

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 703.988.370 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 738.512.370 đồng).

Công ty đang thực hiện phân bổ khấu hao của tài sản trụ sở nhà làm việc và siêu thị trên đất đi thuê (thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 01/01/2003) trong 50 năm kể từ ngày 01/01/2009. Nếu phân bổ khấu hao của tài sản nói trên theo thời hạn thuê còn lại (24 năm) kể từ ngày 01/01/2009 thì chi phí khấu hao trong năm sẽ tăng thêm 102.459.202 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng Công ty sẽ được tiếp tục gia hạn thời gian thuê đất khi hết hạn, do vậy Công ty quyết định thời gian khấu hao 50 năm là hợp lý với tình hình thực tế và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Nhà Sách Minh Đức	1.615.643.050	1.579.931.978
	475.684.600	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây		
Nhà sách Giáo dục Bình Minh	399.711.000	341.572.560
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	390.931.580	-
Công ty TNHH Sách giáo dục Hải Anh	68.857.200	153.405.280
Công ty TNHH Nhật Minh Minh Anh	-	886.389.702
Trung tâm nghiên cứu và sản xuất học liệu	-	743.670.311
Nhà sách Bùi Thị Hồng Lan	-	482.885.700
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Hà Nội	-	106.461.500
Đối tượng khác	56.055.826	160.872.910
<b>Cộng</b>	<b>3.006.883.256</b>	<b>4.455.189.941</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	50.760.038	8.218.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.654.632	107.294.188
Thuế thu nhập cá nhân	491.640	5.918.440
<b>Cộng</b>	<b>93.906.310</b>	<b>121.430.697</b>

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	10.000.000.000	414.720.000	-	239.768.370	119.778.873	(75.862.267)	10.698.404.976
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	182.196.772	182.196.772
Số dư tại ngày 31/12/2013	10.000.000.000	414.720.000	-	239.768.370	119.778.873	106.334.505	10.880.601.748
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	141.033.514	141.033.514
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	50.000.000	50.000.000	(106.334.505)	(6.334.505)
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	(167.575.506)	-	(167.575.506)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(437.449.533)	-	-	-	(437.449.533)
Số dư tại ngày 31/12/2014	<b>10.000.000.000</b>	<b>414.720.000</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>289.768.370</b>	<b>2.203.367</b>	<b>141.033.514</b>	<b>10.410.275.718</b>

**Ghi chú:**

(i) Theo Biên bản họp Hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	<b>Giá trị</b>
	VND
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển	50.000.000
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	50.000.000
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	6.334.505
<b>Cộng</b>	<b>106.334.505</b>

(ii) Giảm khác theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 05/NQHĐQT ngày 01/11/2014 về việc ghi giảm quỹ dự phòng tài chính tương ứng với giá trị sách xuất tặng cho các trung tâm học tập cộng đồng trong tỉnh Nam Định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập là Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã bán toàn bộ cổ phần trong năm 2014.

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	919.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	919.000	1.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	81.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	81.000	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**12. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hoá	33.890.412.816	30.968.135.972
	<b>33.890.412.816</b>	<b>30.968.135.972</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán bị trả lại	51.357.593	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>33.839.055.223</b>	<b>30.968.135.972</b>

**13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn cung cấp hàng hoá	31.442.768.513	28.348.761.901
<b>Cộng</b>	<b>31.442.768.513</b>	<b>28.348.761.901</b>

**14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	1.102.517.491	999.176.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.037.668	242.142.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.936.443	1.247.199.216
Chi phí khác	33.279.019	-
<b>Cộng</b>	<b>2.514.770.621</b>	<b>2.488.518.553</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	208.688.146	294.490.960
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>98.832.910</b>	<b>154.685.790</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
<b>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>98.832.910</b>	<b>154.685.790</b>
- Phí quản lý cổ đông	-	20.000.000
- Chi phí không hợp lệ khác	98.832.910	134.685.790
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>307.521.056</b>	<b>449.176.750</b>
- Thuế suất thông thường	22%	25%
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>67.654.632</b>	<b>112.294.188</b>

Ngoài khoản chi phí không hợp lệ khác ở trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	141.033.514	182.196.772
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	141.033.514	182.196.772
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	972.926	1.000.000
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>145</b>	<b>182</b>

**16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)**

**Chi tiết biến động cổ phiếu**

	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	1.000.000	1.000.000
Số lượng CP phát hành thêm	-	-
Số ngày lưu hành trong kỳ	-	-
Tổng số ngày	365	365
Số lượng CP mua lại trong kỳ	81.000	-
Số ngày mua lại	122	-
<b>Số lượng CP lưu hành bình quân</b>	<b>972.926</b>	<b>1.000.000</b>

**17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc*

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tiền lương, thưởng Ban Giám đốc	145.982.932	149.700.132
<b>Cộng</b>	<b>145.982.932</b>	<b>149.700.132</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	-	3.025.729.105	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.492.028.206	-	6.224.477.273	-
	<b>7.780.711.001</b>	<b>-</b>	<b>9.250.206.378</b>	<b>-</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			3.012.271.124	4.462.968.689
			<b>3.012.271.124</b>	<b>4.462.968.689</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Do Công ty không có khoản nợ vay nào nên hệ số đòn bẩy tài chính bằng 0.

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	3.025.729.105
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	10.432.018.958	10.880.601.748
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.682.795	-	-	288.682.795
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.492.028.206	-	-	7.492.028.206
	<b>7.780.711.001</b>	-	-	<b>7.780.711.001</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.012.271.124	-	-	3.012.271.124
	<b>3.012.271.124</b>	-	-	<b>3.012.271.124</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.768.439.877</b>	-	-	<b>4.768.439.877</b>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.025.729.105	-	-	3.025.729.105
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.224.477.273	-	-	6.224.477.273
	<b>9.250.206.378</b>	-	-	<b>9.250.206.378</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.462.968.689	-	-	4.462.968.689
	<b>4.462.968.689</b>	-	-	<b>4.462.968.689</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.787.237.689</b>	-	-	<b>4.787.237.689</b>

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 10/1/2015, Công ty (Bên A) và Cửa hàng văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng do bà Nguyễn Thị Thanh Hương (Bên B) làm chủ cửa hàng đã ký hợp đồng nguyên tắc số 13/HĐNT-2015 về việc mua bán sản phẩm giáo dục. Theo đó, Bên B sẽ nhận và phối hợp phát hành các sản phẩm giáo dục của Bên A và được hưởng phí phát hành đối với tất cả các loại sản phẩm giáo dục theo từng thời điểm nhận hàng. Giá trị sách được thể hiện trong hợp đồng là số sách, tạp chí, tồn đọng lâu ngày.

**20. THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 25/12/2014, một số cổ đông của Công ty đã đề cử bà Đỗ Hồng Nhung tham gia bầu cử vào Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020.

Ngày 03/01/2015 Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01/NQHĐQT về việc bổ nhiệm bà Đỗ Hồng Nhung giữ vị trí Phó Giám đốc tài chính từ ngày 05/01/2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

---

**Hứa Thị Anh Đào**  
Người lập biểu  
*Nam Định, ngày 19 tháng 03 năm 2015*

---

**Hứa Thị Anh Đào**  
Kế toán trưởng

---

**Trần Quốc Hưng**  
Giám đốc